**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I – MÔN GDCD 6**

**NĂM HỌC 2017 -2018**

**I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA**

**1. Về kiến thức:**

- Kiểm tra các kiến thức đã được học trong các bài ở học kì I lớp 6:

+ Bài 7: Yêu thiên nhiên, sống hòa hợp với thiên nhiên.

+ Bài 9: Lịch sự, tế nhị.

+ Bài 10: Tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể và trong hoạt động xã hội.

- Giúp giáo viên đánh giá được những năng lực của học sinh và đưa ra được những phương pháp dạy học phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy;

**2. Về kỹ năng:**

Rèn luyện cho học sinh các kỹ năng nhận biết, kỹ năng vận dụng, kỹ năng phân tích các vấn đề liên quan đến nội dung kiến thức kiểm tra.

**3. Về thái độ:**

- Học sinh có thái độ tích cực, đưa ra những quyết định đúng đắn nhằm giải quyết những vấn đề diễn ra trong cuộc sống hàng ngày.

- Nghiêm túc trong kiểm tra, giải quyết các vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến các bài học.

**4. Về phát triển năng lực:**

Những năng lực có thể hướng tới đánh giá trong đề kiểm tra: năng lực tư duy, năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn, năng lực ngôn ngữ, năng lực sáng tạo, năng lực đánh giá, ...

**II. HÌNH THỨC KIỂM TRA: T**ự luận

**III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA.**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ****Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Cộng** |
| **1. Yêu thiên nhiên, sống hoà hợp với thiên nhiên.** | Nêu được khái niệm thiên nhiên. | Hiểu được vai trò, giá trị của thiên nhiên. |  |  |  |
| Số câu:Số điểmTỷ lệ % | 0,51,010% | 0,52,020% |  |  | 13,030 % |
| **2. Lịch sự, tế nhị** | Nêu được khái niệm; ý nghĩa lịch sự, tế nhị. |  | Biết đánh giá, nhận xét hành vi thể hiện lịch sự, tế nhị và không lịch sự, tế nhị. |  |  |
| Số câu,Số điểmTỷ lệ % | 0,52,020% |  | 0,52,020% |  | 14,040% |
| **3. Tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể và trong hoạt động xã hội.** |  |  | Biết nhận xét, đánh giá tính tích cực, tự giác tham gia hoạt động tập thể, xã hội. | Lựa chọn cách ứng xử thể hiện có ý thức tích cực, tự giác tham gia các hoạt động tập thể, xã hội. |  |
| Số câu,Số điểmTỷ lệ % |  |  | 0,51,515% | 0,51,515% | 13,030% |
| ***Tổng số câu******Tổng số điểm******Tỷ lệ %*** | **1****3,0****30%** | **0,5****2,0****20%** | **1****3,5****35%** | **0,5****1,5****15%** | **3****10 100%** |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I – MÔN GDCD 7**

**NĂM HỌC 2017 -2018**

**I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA**

**1. Về kiến thức:**

- Kiểm tra các kiến thức đã được học trong các bài ở học kì I lớp 7:

+ Bài 6: Tôn sư trọng đạo.

+ Bài 8: Khoan dung.

+ Bài 9: Xây dựng gia đình văn hóa.

- Giúp giáo viên đánh giá được những năng lực của học sinh và đưa ra được những phương pháp dạy học phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy;

**2. Về kỹ năng:**

Rèn luyện cho học sinh các kỹ năng nhận biết, kỹ năng vận dụng, kỹ năng phân tích các vấn đề liên quan đến nội dung kiến thức kiểm tra.

**3. Về thái độ:**

- Học sinh có thái độ tích cực, đưa ra những quyết định đúng đắn nhằm giải quyết những vấn đề diễn ra trong cuộc sống hàng ngày.

- Nghiêm túc trong kiểm tra, giải quyết các vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến các bài học.

**4. Về phát triển năng lực:**

Những năng lực có thể hướng tới đánh giá trong đề kiểm tra: năng lực tư duy, năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn, năng lực ngôn ngữ, năng lực sáng tạo, năng lực đánh giá, ...

**II. HÌNH THỨC KIỂM TRA: T**ự luận

**III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA.**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ****Tên chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Cộng** |
| **1. Tôn sư trọng đạo.** | Nêu được khái niệm tôn sư trọng đạo. |  |  Nhận xét, đánh giá việc làm thể hiện tôn sư trọng đạo. |  |  |
| Số câuSố điểm Tỉ lệ % | 0,51,0đ10% |   | 0,52,0đ 20% |  | 13,0đ 30%  |
| **2. Khoan dung** | Trình bày biểu hiện của lòng khoan dung. | Hiểu được ý nghĩa của lòng khoan dung đối với cá nhân và xã hội. |  |  |  |
| Số câuSố điểm Tỉ lệ % | 0,51,0đ10% | 0,52,0đ  20%  |  |  | 13,0đ 30%  |
| **3. Xây dựng gia đình văn hoá.** |  |  | Biết nhận xét, đánh giá các hành vi đúng để xây dựng gia đình văn hóa. | Có cách xử sự phù hợp để xây dựng gia đình văn hóa. |  |
| Số câuSố điểm Tỉ lệ % |  |  |  0,52,0đ 20% | 0,52,0đ20% | 14,0đ 40%  |
| Tổng số câuTổng số điểmTỉ lệ % | 12,0đ20%  | 0,52,0đ  20%  | 14,0đ 40% | 0,52,0đ20% | 310đ100% |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I MÔN GDCD 8**

**Năm học 2017 - 2018**

**I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA**

**1. Về kiến thức:**

- Kiểm tra các kiến thức đã được học trong các bài tôn trọng học hỏi các dân tộc khác, Tự lập, Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình.

- Giúp giáo viên đánh giá được những năng lực của học sinh và đưa ra được những phương pháp dạy học phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy;

**2. Về kỹ năng:**

Rèn luyện cho học sinh các kỹ năng nhận biết, kỹ năng vận dụng, kỹ năng phân tích các vấn đề liên quan đến nội dung kiến thức kiểm tra.

**3. Về thái độ:**

- Học sinh có thái độ tích cực, đưa ra những quyết định đúng đắn nhằm giải quyết những vấn đề diễn ra trong cuộc sống hàng ngày.

- Nghiêm túc trong kiểm tra, giải quyết các vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến các bài học.

**4. Về phát triển năng lực:**

Những năng lực có thể hướng tới đánh giá trong đề kiểm tra: năng lực tư duy, năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn, năng lực ngôn ngữ, năng lực sáng tạo, năng lực đánh giá, ...

II. Hình thức kiểm tra: Tự luận.

**III. Ma trận đề kiểm tra.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên** **chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Cộng** |
| **VẬN DỤNG**  | **VẬN DỤNG CAO.** |
| **Tôn trọng học hỏi các dân tộc khác** |  | Hiểu được ý nghĩa tôn trọng, học hỏi các dân tộc khác |  |  |  |
|  |  | Đưa ra quan điểm, nhận xét, đánh giá, thái độ của bản thân của bản thân... |  |
| *Số câu**Số điểm**Tỉ lệ %* |  | *0.5 câu**1.0 điểm**10 %* | *0.5 câu**2,0 điểm**20 %* |  | *1.0 câu**3.0 điểm**30 %* |
| Chủ đề**Tự lập** | Nêu được khái niệm, biểu hiện của tính tự lập |  |  |  |  |
|  |  | Nhận xét, đánh giá của bản thân về tính tự lập |  |
| *Số câu**Số điểm**Tỉ lệ %* | *0.5 câu**2,0 điểm**20%* |  | *0.5 câu**1.0 điểm**10 %* |  | *1.0 câu**3.0 điểm**30 %* |
| Chủ đề **Quyền và nghĩa vụ của CD trong gia đình** |  | Hiểu quyền và nghĩa vụ của con cháu; ý nghĩa của quyền và nghĩa vụ đó; phân biệt được những hành vi thực hiện đúng và thực hiện không đúng quền và nghĩa vụ trên. |  |  |  |
|  |  |  | Đưa ra cách ứng xử trước tình huống; cảm xúc của bản thân… |
| *Số câu**Số điểm**Tỉ lệ %* |  | *0.5 câu**2.0 điểm**20 %* |  | *0.5 câu**2.0 điểm**20 %* | *1.0 câu**4.0 điểm**40 %* |
| **TỔNG** | *0.5 câu**2,0 điểm**20 %* | *1.0 câu**3.0 điểm**30 %* | *1.0 câu**3.0 điểm**30 %* | *0.5 câu**2.0 điểm**20 %* | **3.0 câu****10 điểm****100%** |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I: MÔN GDCD - LỚP 9**

**Năm học 2017 – 2018**

 **I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA**

**1. Về kiến thức:**

- Kiểm tra các kiến thức đã được học trong các bài Hợp tác cùng phát triển; Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc; Năng động, sángtạo; Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả; tự chủ.

- Giúp giáo viên đánh giá được những năng lực của học sinh và đưa ra được những phương pháp dạy học phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy;

**2. Về kỹ năng:**

Rèn luyện cho học sinh các kỹ năng nhận biết, kỹ năng vận dụng, kỹ năng phân tích các vấn đề liên quan đến nội dung kiến thức kiểm tra.

**3. Về thái độ:**

- Học sinh có thái độ tích cực, đưa ra những quyết định đúng đắn nhằm giải quyết những vấn đề diễn ra trong cuộc sống hàng ngày.

- Nghiêm túc trong kiểm tra, giải quyết các vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến các bài học.

**4. Về phát triển năng lực:**

Những năng lực có thể hướng tới đánh giá trong đề kiểm tra: năng lực tư duy, năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn, năng lực ngôn ngữ, năng lực sáng tạo, năng lực đánh giá, ...

**II. HÌNH THỨC KIỂM TRA.**

Kết hợp tự luận và trắc nghiệm khách quan

**III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA.**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Mức Độ** **Chủ** **Đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Cộng** |
| 1. **Tự chủ.** | Nêu được:- Khái niệm- Biểu hiện | Hiểu được ý nghĩa của tự chủ. | Đánh giá được hành vi của bản thân và người khác về tính tự chủ | Giải quyết được tình huống liên quan đến tự chủ; lựa chọn cách ứng xử; cảm xúc của bản thân về đức tính tự chủ. |  |
| *Số câu: 7* *Sốđiểm:1,75**Tỉ lệ* :17,5% | *Số câu TN:3 Số điểm:0,75**Số điểm:* *Số câu TL:0**Số điểm:0* | *Số câu TN:1* *Số điểm:0,25**Số câu TL:0* *Số điểm.0* | *Số câu TN: 2**Số điểm: 0,5**Số câu TL:0**Số điểm:0* | *Số câu TN: 1**Số điểm: 0,25**Số câu TL:0**Số điểm:0* | **Số câu TN:7** **Số điểm: 1,75****Tỉ lệ :17,5 %****Số câu TL: 0****Số điểm: 0****Tỉ lệ : 0 %** |
| **2.Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.** | Nêu được khái niệm truyền thống tốt đẹp của dân tộc; Kể được một số truyền thống tốt đẹp của dân tộc. | Hiểu được ý nghĩa của việc kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc; phân biệt sự khác nhau giữa phong tục và hủ tục. | Đánh giá được việc làm biết giữ gìn phát huy truyền thống và không biết kế thừa, phát huy truyền thống; nhận xét, đưa ra ý kiến thể hiện là người biết giữ gìn truyền thống tốt đẹp của dân tộc..  |  |  |
| *Số câu: 7**Sốđiểm:1,75**Tỉ lệ* :17,5% | *Số câu TN:2* *Số điểm: 0.5**Số câu TL: 0**Số điểm: 0* | *Số câu TN:3* *Số điểm:0,75**Số câu TL: 0**Số điểm: 0* | *Số câu TN: 2**Số điểm: 0,5**Số câu TL: 0**Số điểm: 0* |  | **Số câu TN:7** **Số điểm: 1,75****Tỉ lệ :17,5 %****Số câu TL:0** **Số điểm:****Tỉ lệ : 0 %** |
| 3. **Năng động, sáng tạo.** | Nêu được khái niệm năng động, sáng tạo; người năng động sáng tạo; biểu hiện của người năng động sáng tạo. | Hiểu được ý nghĩa năng động, sáng tạo. | Đánh giá được hành vi năng động sáng tạo và chưa năng động, sáng tạo; Đưa ra quan điểm, ý kiến, nhận xét , thái độ của bản thân.  | Lựa chọn cách ứng xử phù hợp thể hiện năng động, sáng tao; Có ý thức rèn luyện bản thân để trở thành người năng động, sáng tạo.. |  |
| *Số câu: 7**Số điểm1,75**Tỉ lệ* :17,5% | *Số câuTN:3**Số điểm 0,75**Số câu TL: 0**Số điểm: 0* | *Số câuTN:1* *Số điểm 0,25**Số câu TL: 0**Số điểm: 0* | *Số câu TN: 2**Số điểm: 0,5**Số câu TL: 0**Số điểm: 0* | *Số câu TN: 1**Số điểm: 0,25**Số câu TL: 0**Số điểm: 0* | **Số câu TN:7** **Số điểm: 1,75****Tỉ lệ :17,5 %****Số câu TL:0** **Số điểm:0****Tỉ lệ : 0 %** |
| 4. **Hợp tác cùng phát triển** |  Nêu được khái niệm hợp tác; các nguyên tắc hợp tác. | Hiểu được ý nghĩa của hợp tác | Biết hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh | Lựa chọn cách ứng xử thể hiện hợp tác cùng phát triển |  |
| *Số câu: 7**Sốđiểm:1,75**Tỉ lệ* :17,5% | *Số câuTN:2**Số điểm:0,5* *Số câu TL: 0**Số điểm: 0* | *Số câuTN:2**Số điểm:0,5* *Số câu TL: 0**Số điểm: 0* | *Số câu TN: 2**Số điểm:0,5**Số câu TL: 0**Số điểm: 0* | *Số câu TN: 1**Số điểm: 0,25**Số câu TL: 0**Số điểm: 0* | **Số câu TN:7****Số điểm: 1,75****Tỉ lệ : 17,5 %****Số câu TL:0** **Số điểm: 0****Tỉ lệ : 0** |
| 5. **Làm việc có năng suất, chất** |  | Hiểủ được ý nghĩa của làm việc có năng suất chất lượng, hiệu quả ;  |  | Lựa chọn cách ứng xử đúng của bản thân trước các tình huống thể hiện làm việc năng suất, chất lượng, hiệu quả  |  |
| *Số câu:1* *Số điểm:3,0**Tỉ lệ* *: 30*% |  | *Số câuTN:0**Số điểm:0**Số câuTL:0,5**Số điểm: 1,0* |  | *Số câu TN: 0**Số điểm: 0**Số câu TL: 0,5**Số điểm: 2,0* | **Số câu TN:0** **Số điểm: 0****Tỉ lệ : 0 %****Số câu TL:1** **Số điểm: 3,0****Tỉ lệ : 30 %** |
| **Tổng số câu 29****Tổng số điểm 10****Tỉ lệ: 100%**  | *SốcâuTN:10**Số điểm:2,5* *Số câu TL:0**Số điểm: 0* | *Số câu TN:7* *Số điểm: 1,75**Số câuTL 0.5**Số điểm: 1.0* | *Số câu TN:8* *Số điểm: 2,0**Số câu TL:0**Số điểm: 0* | *Số câu TN: 3**Số điểm: 0,75**Số câu TL: 0,5**Số điểm: 2.0* | **Số câu TN:28** **Số điểm: 7****Tỉ lệ: 70%****Số câu TL:1****Số điểm: 3****Tỉ lệ: 30%** |